

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/3/2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.
2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Đình Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Bảo T, sinh năm: 1972 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2020 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn – ông Huỳnh Bảo T trình bày:

Ông Huỳnh Bảo T xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị Mỹ L vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa ông T và bà L hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T và bà L không hợp nhau về tính tình về lối sống, ngoài ra còn khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Đến khoảng cuối năm 2010, bà L bỏ đi không nói đi đâu, làm gì. Ông T đã tìm bà L bằng mọi biện pháp nhưng vẫn không có kết quả. Năm 2019 ông T nộp đơn yêu cầu tuyên bố bà L mất tích và được Tòa án nhân dân huyện XM tuyên bố bà L mất tích theo quyết định tuyên bố một người mất tích số 07/2020/QĐST-VDS ngày 21/7/2020. Nay ông T nhận thấy bà L đã bỏ đi

không có tin tức gì, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại nên ông T yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Huỳnh Bảo T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Linh Đ, sinh ngày 30/10/2005; hiện đang sống với ông T. Ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Bảo T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, ngày 21/7/2020 Tòa án nhân dân huyện XM ra quyết định số 07/2020/QĐST-VDS tuyên bố bà Nguyễn Thị Mỹ L mất tích theo đơn yêu cầu của ông Huỳnh Bảo T. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ L vẫn không có mặt tại Tòa án.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ông Huỳnh Bảo T yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung với bà Nguyễn Thị Mỹ L, nên xác định đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có nơi cư trú cuối cùng tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Bảo T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Bảo T và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Bảo T xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị Mỹ L vào năm 2005 có đăng ký kết hôn và được UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn (giấy chứng

nhận kết hôn số 32 ngày 18/4/2005 của UBND xã XM, huyện XM), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông T và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T và bà L bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã. Đến cuối năm 2010 thì bà L bỏ nhà đi từ đó đến nay không về, ông T có yêu cầu và Tòa án nhân dân huyện XM đã có quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị Mỹ Linh mất tích. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông T và bà L thật sự không còn, khó có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà L.

[3] Về con chung: Ông Huỳnh Bảo T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Linh Đ, sinh ngày 30/10/2005. Ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của ông T cho thấy, từ khi ông T nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay bà L không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc ông T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng của cháu Đan cho thấy cháu có nguyện vọng ở với ông T, nên Tòa án căn cứ vào thực tế (hiện bà L đã bỏ đi) và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đan cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Bảo T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Huỳnh Bảo T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Bảo T đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Bảo T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Linh Đ, sinh ngày 30/10/2005 cho ông Huỳnh Bảo T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục

con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Bảo T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Huỳnh Bảo T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008849 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**